

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-PT

Ngày: 21 – 6 – 2019

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thanh

- *Các Thẩm phán:* Ông Dương Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Đình Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 19/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139A/2019/QĐ-PT, ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1940 (chết);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1:

1.1 Bà Trần Thị A

1.2 Ông Nguyễn Hoàng V1

1.3 Ông Nguyễn Thanh V2

1.4 Bà Nguyễn Thị Kiều T2

1.5 Ông Nguyễn Tuấn V3

1.6 Bà Nguyễn Thị Thùy T3

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là ông Nguyễn Bình Hoa T4, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 102 đường N, phường 4, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Kim N, sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm: 1947

3.2 Ông Nguyễn Minh T6, sinh năm: 1942

3.3 Ông Nguyễn Thanh T7, sinh năm: 1926

Cùng địa chỉ: ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Bình Hoa T4 trình bày: Ông T1 là con thứ 10 trong gia đình và được anh chín Nguyễn Hữu Trí nhường quyền thờ cúng từ năm 1982 đến nay. Đồng thời anh thứ 3 và hai anh em thứ 11 và thứ 12 ủy quyền cho ông T1 đứng tên kê khai đề nghị xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Năm 2015, khi ông T1 làm hồ sơ thì bệnh nên nhờ bà Kim N gửi hồ sơ của mẹ là Lê Thị Quốc cho xã LT và có đưa 200.000đ chi phí đi lại. Năm 2016, ông T1 có ủy quyền cho bà Kim N nộp hồ sơ và có đưa cho bà N 02 lần với tổng số tiền 1.200.000đ vì bà N bảo có cháu là cán bộ làm ở ban thương binh và xã hội xã Lương Tâm. Ngày 22/12/2016, có đợt Nhà nước truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng trong đó có mẹ Lê Thị Quốc (Lê Thị Ba). Bà N không thông báo cho gia đình mà âm thầm đi nhận 45 triệu đồng và các bằng, huy hiệu. Sau đó ông T1 bảo vợ là Trần Thị A đến nhà gặp bà N để nhận về nhưng bà N không đưa. Sau đó ông T1 có làm đơn gửi UBND xã LT, huyện L giải quyết 03 lần nhưng không thành.

Ông T1 khởi kiện yêu cầu bà N trả lại số tiền 45 triệu đồng cùng huy hiệu, bằng chứng nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Quá trình giải quyết ông T1 chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Huỳnh Kim N có nghĩa vụ trả lại số tiền 45 triệu đồng và các bằng, huy hiệu theo quy định.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Kim N trình bày: Bà N thừa nhận trước đây ông Nguyễn Thành T1 có ủy quyền cho bà N chịu trách nhiệm kê khai xét đề nghị truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam Anh hùng đối với bà Lê Thị Quốc (Lê Thị Ba) và có nhận số tiền 45.115.000 đồng cùng bằng chứng nhận và huy hiệu như ông T1 trình bày. Ngày mùng 01 tháng 03 âm lịch năm 2017, bà N được ông T5 và ông T6 chỉ đạo sửa chữa, trùng tu lại hai ngôi mộ cụ Nguyễn Văn Quảng và cụ Lê Thị Quốc (Lê Thị Ba) cho phép bà N chi phí số tiền truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nay với yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 thì bà N không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu T5 trình bày: Ông T5 là con trai út của mẹ Lê Thị Quốc (Lê Thị Ba). Vào năm 1960 mẹ Lê Thị Quốc qua đời, còn lại ông T5 và cha ông T5 thờ cúng mẹ Lê Thị Quốc. Năm 1975 cha ông T5 qua đời, khi đó ông T5 thờ cúng cha mẹ cho đến nay. Vào năm 2015 ông T5 ủy quyền cho ông T1 để làm hồ sơ truy tặng mẹ Việt Nam anh hùng, khi đó ông T1 không làm mà ủy quyền cho cháu là Huỳnh Kim N. Bà N có được giấy ủy quyền của ông T1, bà N cho ông T5 hay và ông T5 đồng ý cho bà N đi kê khai. Khi hoàn tất thủ tục bà N có báo cho ông T5 và ông T1 hay, cũng trong ngày ông T1 cho vợ đến đòi lại số tiền và bằng. Bà N không đồng ý giao cho vợ ông T1 mà bảo chờ hai chú về tính coi tiền này để làm gì. Sau đó ông T1 khởi kiện cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 thì ông T5 không đồng ý, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T6 trình bày: Kể từ năm 1960, mẹ ông qua đời. Gia đình chỉ còn cha ông là Nguyễn Văn Quảng và em út ông là Nguyễn Hữu T5, lúc này ông trốn quân dịch ở tỉnh Kiên Giang. Cho đến năm 1970 cha và em ông tản cư về tỉnh Kiên Giang sống chung với ông. Từ đó ông cùng cha và em thờ cúng mẹ ông. Đến năm 1975 cha ông qua đời, ông cùng các anh em đưa xác cha ông về chôn chung với mẹ ông tại xã Lương Tâm. Từ đó ông và em ông thờ cúng cha mẹ. Đến năm 1979 ông và em ông đã xây dựng mồ mả cho cha mẹ được khang trang. Lúc đó ông Nguyễn Thành T1 không tham gia xây dựng mồ mả. Cho đến năm 1990 em ông là Nguyễn Hữu T5 làm ăn thất bại nên bỏ đi biển. Năm 1996 ông T5 trở về, lúc đó ông và ông T5 tiếp tục thờ phượng cha mẹ. Đến năm 2004 ông T5 có nhà riêng và tiếp tục thờ phượng cho đến nay. Năm 2016, được lệnh của nhà nước truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Khi đó ông Nguyễn Thành T1 nói ông và ông T5 khác tỉnh nên khó làm. Ông T1 bảo ông và ông T5 ủy quyền cho ông làm hồ sơ, ông T1 không làm mà ủy quyền cho cháu Huỳnh Kim N làm hồ sơ. Sau thời gian đến năm 2017 có giấy mời cô Ny đi nhận bằng và tiền truy tặng của bà mẹ Việt Nam anh hùng, cô Ny đã thông báo cho ông, ông T5 và ông T1. Sau đó cô Ny đã nhận bằng và tiền về, liền sau đó thì vợ của ông T1 đến nhà cô Ny bảo cô Ny phải đưa bằng và tiền cho bà mang về, cô Ny không đồng ý vì còn 02 chú ở Kiên Giang chờ ý kiến của hai chú xem số tiền này sử dụng vào việc gì. Từ đó ông T1 ủy quyền cho vợ phát đơn kiện cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 thì ông T6 không đồng ý, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T7 trình bày: Ông T7 là con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Quốc (Lê Thị Ba). Trong sự việc tranh chấp giữa những người thừa kế của ông Nguyễn Thành T1 và bà Huỳnh Kim N thì ông không có ý kiến gì, ông T7 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/DS-ST, ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành T1. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3 có đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình Hoa T4 đối với bị đơn Huỳnh Kim N.

Buộc bị đơn Huỳnh Kim N trả lại số tiền 45.000.000 đồng cho nguyên đơn Nguyễn Thành T1. Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 14/9/2018, bà Huỳnh Kim N có đơn kháng cáo. Nội dung, bà N yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, công nhận số tiền 45.000.000 đồng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu T5 và ông Nguyễn Minh T6.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Huỳnh Kim N trình bày: Mặc dù việc bà đi làm thủ tục truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng là do ông T1 ủy quyền, nhưng khi nhận tiền về bà sử dụng làm mộ cụ Quốc và cụ Quảng là trên cơ sở thống nhất của hai chú Nguyễn Hữu T5 và Nguyễn Minh T6, nên việc làm của bà không sai, nên bà không đồng ý trả tiền như yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng theo quy định của pháp luật thì ông T1 là người trực tiếp thờ cúng nên được nhận số tiền này và có quyền quyết định sử dụng vào mục đích gì. Bà N là người được ông T1 ủy quyền nhận tiền thì phải có nghĩa vụ giao lại cho ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Ông T1 là người trực tiếp thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bà N chỉ là người được ông T1 ủy quyền để làm thủ tục truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, nên bà N phải có nghĩa vụ giao lại toàn bộ tiền, bằng và huy hiệu cho ông T1. Đối với số tiền bà N cho rằng đã sử dụng làm mộ cho Mẹ Việt Nam anh hùng hết nhưng không được sự đồng ý của ông T1 và thực tế số tiền trùng tu mộ phần lớn là do bà Nguyễn Thị Hồng Oanh gửi về. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Thành T1 yêu cầu và Huỳnh Kim N giao trả số tiền 45.000.000 đồng tiền trợ cấp cho thân nhân hoặc người thờ cúng cùng các huy hiệu và bằng chứng nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của cụ Lê Thị Quốc. Bà N không đồng ý trả lại số tiền trên vì bà đã sử dụng để sửa chữa lại hai ngôi mộ của cụ Nguyễn Văn Quảng và cụ Lê Thị Quốc. Hai bên phát sinh tranh

chấp, ông T1 khởi kiện đến Tòa án, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết theo quan hệ Đòi lại tài sản là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2018, bà Huỳnh Kim N có đơn kháng cáo quá hạn, nhưng được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang chấp nhận nên được xem là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Kim N yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và công nhận số tiền 45.000.000 đồng thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu T5 và ông Nguyễn Minh T6, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Năm 2015, ông Nguyễn Thành T1 (là con của cụ Lê Thị Quốc) có ủy quyền cho bà Huỳnh Kim N để làm thủ tục đề nghị xét truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Lê Thị Quốc. Ngày 25/11/2016, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1085/QĐ.SLĐTBXH về việc trợ cấp một lần đối với đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng người được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng với số tiền 26.360.000 đồng cho bà Huỳnh Kim N và tiền khen thưởng từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là 18.755.000 đồng, tổng cộng là 45.115.000 đồng cùng bằng chứng nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tuy nhiên, ông T1 chỉ yêu cầu bà N trả lại 45.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền và bằng chứng nhận thì bà N không giao lại cho ông Nguyễn Thành T1 mà bà N cho rằng bà sử dụng số tiền trên để sửa chữa, trùng tu lại hai ngôi mộ của ông Nguyễn Văn Quảng và bà Lê Thị Quốc với số tiền 45.238.400 đồng.

[5] Xét Quyết định số 1085/QĐ.SLĐTBXH, ngày 25/11/2016 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang về việc cấp tiền trợ cấp cho thân nhân hoặc người thờ cúng Bà mẹ được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho bà Huỳnh Kim N là chưa đúng đối tượng, vì bà N không phải là người trực tiếp thờ cúng và cũng không phải là thân nhân của Mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Quốc theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ. Bà N chỉ là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T1 để thực hiện thủ tục đề nghị xét truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Lê Thị Quốc. Bà Huỳnh Kim N cho rằng cụ Lê Thị Quốc do ông T6 và ông T5 thờ cúng, ông Nguyễn Thành T1 tự ý thờ cúng thời gian gần đây nên tiền trợ cấp và bằng chứng nhận phải giao cho ông T5 và ông T6. Tuy nhiên, qua xác minh tại nơi cư trú của ông T5 và ông T6 thì chính quyền địa phương xác nhận ông T5 và ông T6 không có thờ cúng cụ Lê Thị Quốc. Hơn nữa, ông T5 và ông T6 cũng thừa nhận là ông T1 có yêu cầu hai ông ủy quyền cho ông T1 để làm thủ tục đề nghị xét truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho cụ Quốc và được hai ông đồng ý. Ông T1 là người trực tiếp thờ cúng nên đủ điều kiện để hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ.

[6] Khi nhận được tiền trợ cấp và khen thưởng, thì bà N lại không giao cho ông T1 mà bà cho rằng bà đã sử dụng số tiền trên để trùng tu, sửa chữa hai ngôi mộ của cụ Quảng và cụ Quốc. Tuy nhiên, việc bà N sử dụng số tiền trên để trùng tu hai ngôi mộ nhưng không thông qua ý kiến và không được sự đồng ý của ông T1. Qua xác minh những người con dâu, cháu của cụ Quốc gồm bà Nguyễn Thị

H, bà Thái Thị K và ông Lê Văn H thì việc tu sửa hai ngôi mộ trên không chỉ có bà N và ông T5 thực hiện, mà nguồn tiền chủ yếu để thực hiện việc trùng tu mộ phần là do bà Nguyễn Thị Hồng O là con của bà K gửi về.

[7] Xét thấy, bà N không phải là đối tượng được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước đối với người có công, mà ông T1 mới là người được hưởng và có quyền quyết định sử dụng số tiền trên vào mục đích gì, bà N chỉ là người nhận tiền thay cho ông T1 và việc bà N dùng tiền để tu sửa mộ phần là do bà N tự ý quyết định, không được sự đồng ý của ông T1 và bà N cũng không chứng minh được bà đã sử dụng toàn bộ số tiền trên để thực hiện việc trùng tu mộ phần nên bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 chết, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3, Nguyễn Thị Thùy T3 tiếp tục yêu cầu bà N trả lại số tiền đã nhận, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 45.000.000 đồng cho các đồng thừa kế của ông T1 là có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà N phải chịu theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Kim N

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 56/2013/NĐ-CP, ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành T1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3, Nguyễn Thị Thùy T3 đối với bị đơn Huỳnh Kim N.

Buộc bị đơn Huỳnh Kim N trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3, Nguyễn Thị Thùy T3 số tiền 45.000.000 đồng cùng các huy hiệu và bằng chứng nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của cụ Lê Thị Quốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Huỳnh Kim N phải nộp 2.250.000 đồng.

Nguyên đơn Nguyễn Thành T1, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 là Trần Thị A, Nguyễn Hoàng V1, Nguyễn Thanh V2, Nguyễn Thị Kiều T2, Nguyễn Tuấn V3, Nguyễn Thị Thùy T3 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0013475 phiếu lập ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm bà N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017428 ngày 14/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thành án phí phúc thẩm. Bà N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án ngày 21/6/2019./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh